

Năm 1897, ngọn lửa Hương Sơn bị dập tắt, chấm dứt thời kỳ kháng chiến Cần Vương, cũng là chấm dứt một thời kỳ lịch sử trong đó tư tưởng nho giáo của tầng lớp sĩ phu là ngọn cờ vận động cứu nước chính, tiêu biểu cho chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam.

Đầu thế kỷ XX, có những tác động mới vào con đường đấu tranh giải phóng của Việt Nam. Đó

là con đường Duy Tân của Nhật Bản (1868), tư tưởng của cách mạng tư sản Pháp (1789) và những tư tưởng cải cách trong cách mạng Tân Hợi ở Trung Quốc

(1911). Ý thức hệ tư sản đã thâm nhập vào Việt Nam. Một số sĩ phu yêu nước đã tiếp thu những tư tưởng này mong muốn giành lại độc lập cho dân tộc và phát triển đất nước, tiêu biểu như Phan Bội Châu, Phan Châu Trinh, Lương Văn Can, Nguyễn Quyền...Tuy nhiên, các phong trào cứu nước từ lập trường Cần Vương đến lập trường tư sản, tiểu tư sản, qua khảo nghiệm lịch sử đều lần lượt thất bại.

Trong lúc khó khăn chưa có lối thoát, ngày 5-6-1911, Bác Hồ với tên gọi Nguyễn Tất Thành đã rời bến Nhà Rồng quyết tâm ra đi tìm đường cứu nước cho dân tộc Việt Nam. Qua nghiên cứu những bài học lịch sử của các bậc cha anh và khảo nghiệm

thực tiễn, Người rất khâm phục các bậc tiền bối Phan Bội Châu, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám...nhưng không tán thành cách làm của các Cụ. Vì theo Người, cụ Phan Chu Trinh chỉ yêu cầu người Pháp thực hiện cải lương, chẳng khác gì xin giặc rủ lòng thương; cụ Phan Bội Châu hy vọng dựa vào Nhật để đuổi Pháp, chẳng khác gì đuổi hổ cửa trước, rước beo cửa sau; cụ Hoàng Hoa Thám còn nặng cốt cách phong kiến trong đấu tranh chống Pháp...

HỒ CHÍ MINH VỚI CON ĐƯỜNG CỨU NƯỚC, CỨU DÂN

Ths. Đinh Thị Thu Hoài

GV Khoa Xây Dựng Đảng

Chính cách suy nghĩ táo bạo, cùng với lòng yêu nước mãnh liệt, Người đã ra đi tìm đường cứu

nước theo một đường hướng mới cho dân tộc. Người không hướng về anh cả da vàng Nhật Bản - một đế quốc mới ở Châu Á chiến thắng nước Nga Sa Hoàng năm 1905, hay ngưỡng vọng Tôn Trung Sơn với chủ nghĩa Tam dân nổi tiếng và Cách mạng Tân Hợi năm 1911 ở Trung Quốc, mà quyết tâm hướng đến phương Tây, hướng đến nước Pháp - nơi sản sinh ra những lời đẹp đẽ “*Tự do-Bình đẳng-Bác ái*” đã từng làm rung động lòng Người ở độ tuổi thiếu niên. Từ đó, ngày 5-6-1911 trở thành dấu mốc lịch sử, báo hiệu một sự thay đổi lớn lao vận mệnh của dân tộc.

Ngày 5-6-1911, trên con tàu Đô đốc Latouche Tréville, từ bến cảng Nhà Rồng-

thành phố Sài Gòn, Nguyễn Tất Thành rời Tổ quốc ra đi tìm đường cứu nước. Từ một thầy giáo dạy chữ nho và quốc ngữ trường Dục Thanh, Nguyễn Tất Thành trở thành Nguyễn Văn Ba thủy thủ tàu buôn rồi tiếp tục làm nhiều nghề lao động tay chân, khi xúc tuyết, khi bồi bếp, khi rửa ảnh, khi tô, vẽ đồ sứ...không chê một nghề chính đáng nào. Trong lúc làm các công việc trên, Người còn giành thì giờ đi thư viện, bảo tàng, học tiếng Anh, tiếng Pháp. Nhờ vậy, Người thông thạo lịch sử Âu châu, Mỹ châu, biết rõ các cuộc cách mạng cận đại ở các xứ đó, nắm được chế độ xã hội tây, theo dõi sát mọi tình hình chuyển biến trên thế giới. Phải chăng chính điều đó đã giúp cho việc “*tìm đường cứu nước*” của Người sẽ có nhiều kết quả bởi xét cho đến cùng nếu thiếu một kiến thức văn hóa vừa sâu vừa rộng, thiếu một cuộc sống phong phú thì khó mà trở thành một người cách mạng sáng tạo.

Sau những năm tháng bôn ba ở khắp các nước, cùng hòa mình vào đời sống của giai cấp công nhân, Người đã nhận thấy được cảnh khổ cực của dân lao động dưới sự áp bức bóc lột dã man, vô nhân đạo của bọn thống trị. Cảnh tượng đó làm cho Người rất đau xót và liên tưởng một cách tự nhiên đến số phận của người dân Việt Nam, đồng bào khốn khổ của Người. Họ cũng là nạn nhân của sự hung ác, vô nhân đạo của bọn thực dân. Những sự việc như vậy diễn ra khắp nơi trên đường Người đi qua, tạo nên ở người thanh niên yêu nước trẻ tuổi mỗi đồng cảm sâu sắc với số phận chung của nhân dân các nước thuộc địa.

Giữa lúc cuộc chiến tranh thế giới thứ nhất diễn ra ác liệt, tình hình Đông Dương đang có những biến động, thì vào khoảng cuối năm 1917, Nguyễn Tất Thành từ Anh trở lại Pháp để có điều kiện trực tiếp hoạt động trong phong trào Việt Kiều và phong trào công nhân Pháp. Sang Paris, Người liên lạc gần gũi với Phan Chu Trinh, với kiều bào, với các phần tử yêu nước thuộc các dân tộc thuộc địa của Pháp và từng bước tham gia vào cuộc đấu tranh của phong trào công nhân và lao động Pháp.

Sau khi chiến tranh kết thúc, tháng 6-1919, đại biểu các nước đế quốc tham chiến họp Hội nghị ở Versailles (Pháp) để phân chia quyền lợi sau chiến tranh. Thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp, Người đã gửi tới Hội nghị Bản yêu sách gồm 8 điểm đòi các quyền tự do, dân chủ, quyền bình đẳng và tự quyết cho nhân dân Việt Nam. Bản yêu sách này do Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường cùng thảo với Nguyễn Tất Thành. Dưới Bản yêu sách, Người ký tên Nguyễn Ái Quốc (tức Nguyễn Tất Thành) thay mặt cho dân tộc Việt Nam. Đây là lần đầu tiên một người Việt Nam với tên gọi Nguyễn Ái Quốc xuất hiện, dũng cảm đưa vấn đề chính trị của đất nước ra quốc tế, đòi những quyền lợi cơ bản chính đáng, thiết thực. Mặc dù không được chấp nhận, nhưng Bản yêu sách đã gây tiếng vang lớn, tác động mạnh mẽ đến người Việt Nam trong nước và nước ngoài, báo hiệu một cuộc đấu tranh mới của nhân dân ta trên đường đi tới độc lập. Tầm quan trọng của bản yêu sách 8 điểm là nó đã thức tỉnh nhiều người, nó cung cấp cho giới thượng lưu tiến bộ một chương trình hành động, nó

mở đầu cho cuộc đấu tranh lâu dài đòi hỏi cải cách dân chủ, để thức tỉnh, tập hợp nhân dân, điều mà trước đó chưa ai làm, cũng chưa có đoàn thể nào nghĩ tới. Đặc biệt, qua kinh nghiệm đấu tranh thực tế của mình, Nguyễn Ái Quốc đã rút ra một kết luận có ý nghĩa thực tiễn rất quan trọng: *“Muốn được độc lập và tự do thật sự, các dân tộc bị áp bức phải trồng cây trước hết vào lực lượng của bản thân mình; người Việt-nam phải tự giải phóng lấy mình”*¹.

Năm 1919, Nguyễn Ái Quốc trở thành thành viên của Đảng xã hội Pháp. Sau này khi cắt nghĩa cho một nhà báo Pháp về động lực thúc đẩy Người vào Đảng xã hội Pháp lúc này, Người đã nói rằng: *“Hồi đó, nước chúng tôi đang ở dưới ách thống trị của thực dân Pháp, dân chúng tôi bị bóc lột ghê gớm và khổ sở vô cùng. Tôi biết rất ít về chính trị, nhưng tôi muốn tổ quốc tôi được giải phóng. Tôi bắt đầu viết và phát những truyền đơn tố cáo tội ác của thực dân Pháp. Tôi chưa biết đảng là gì, càng không rõ chủ nghĩa xã hội khác với chủ nghĩa cộng sản ở chỗ nào. Nhưng có những ông bà trong Đảng xã hội tỏ ý đồng tình với tôi, vì vậy tôi tham gia Đảng xã hội”*².

Trong suốt mùa hè năm 1919, người ta thấy Nguyễn Ái Quốc xuất hiện trong các cuộc họp của Đảng Xã hội, của Tổng công hội, của Hội Nhân quyền,...Người còn tham gia viết báo để tố cáo tội ác của thực dân Pháp và thể hiện khát vọng của Người là đấu tranh giải phóng dân tộc, nhưng làm thế

nào và đi theo hướng nào để đạt được mục đích đó, Người vẫn còn đang tìm kiếm.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười Nga, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế phát triển mạnh mẽ. Đầu năm 1919, Lênin và những người theo chủ nghĩa Mác ủng hộ lập trường của Lênin họp đại hội ở Mátxcova, thành lập Quốc tế III-tức Quốc tế cộng sản. Quốc tế cộng sản đã kiên quyết ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông. Nguyễn Ái Quốc đã được đọc bản *“Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa”* của Lênin viết vào tháng 6 năm 1920 và được công bố trên báo Nhân đạo, cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp ngày 16-17 tháng 7 năm 1920. Đầu đề bài viết có liên quan đến vấn đề thuộc địa lập tức thu hút sự chú ý của Nguyễn Ái Quốc. Trong văn kiện này, Lênin đã đặt vấn đề dân tộc đi đôi với vấn đề thuộc địa; đặt ra cho những người cách mạng ở các nước đế quốc một nhiệm vụ trọng đại là phải ủng hộ một cách tích cực nhất phong trào giải phóng các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc; đối với các dân tộc thuộc địa và lệ thuộc không những chỉ có nhiệm vụ giải phóng khỏi ách nước ngoài mà còn phải đấu tranh chống các lực lượng phản động ngay trong xứ mình. Đặc biệt, Lênin đã chỉ ra con đường giải phóng cho các dân tộc thuộc địa, phụ thuộc, cho các nước chậm phát triển. Vô sản và quần chúng lao động của tất cả các dân tộc và tất cả các nước gần gũi nhau để tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng chung nhằm lật đổ bọn địa chủ và giai cấp tư sản; các phong trào giải phóng dân tộc ở thuộc địa phải gắn chặt với cuộc đấu tranh và

¹ Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương, *Những sự kiện lịch sử Đảng*, tập 1, NXB ST, HN 1976, tr.23.

² Trần Văn Giàu, *Thành công của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh*, NXB Tp HCM, 1993, tr. 40.

chiến thắng của chính quyền Xô Viết đối với chủ nghĩa đế quốc thế giới, các đảng cộng sản phải trực tiếp ủng hộ phong trào cách mạng của các dân tộc thuộc địa...

Luận cương của Lênin đã chỉ cho Nguyễn Ái Quốc con đường giành độc lập cho dân tộc và tự do cho đồng bào. Sau này, khi kể lại sự kiện quan trọng đó, Người nói: *“Luận cương của Lênin làm cho tôi rất cảm động, phấn khởi, sáng tỏ, tin tưởng biết bao! Tôi vui mừng đến phát khóc lên. Ngồi một mình trong buồng mà tôi nói to lên như đang nói trước quần chúng đông đảo: Hỡi đồng bào bị đọa đầy đau khổ! Đây là cái cần thiết cho chúng ta, đây là con đường GP chúng ta!. Từ đó, tôi hoàn toàn tin theo Lênin, tin theo Quốc tế thứ ba”*³.

Với bản Luận cương của Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã tìm thấy phương hướng và đường lối cơ bản của phong trào cách mạng giải phóng dân tộc. Niềm tin ấy là cơ sở tư tưởng để Người vững bước đi theo con đường cách mạng triệt để của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Tại Đại hội Tua của Đảng Xã hội Pháp họp từ ngày 25 đến ngày 30-12-1920, đã tranh luận gay gắt về việc gia nhập Quốc tế III hay ở lại Quốc tế II; thành lập Đảng Cộng sản hay giữ nguyên Đảng Xã hội. Nguyễn Ái Quốc tham dự đại hội với tư cách là đại biểu chính thức và duy nhất của các nước thuộc địa Đông Dương, và trong phiên họp chiều ngày 26-12-1920, Nguyễn Ái Quốc được mời phát biểu. Trong bài

phát biểu, Nguyễn Ái Quốc đã tố cáo những sự thật tàn bạo mà thực dân Pháp gây ra ở Đông Dương, và cho rằng *Đảng Xã hội cần phải hoạt động một cách thiết thực để ủng hộ những người bản xứ bị áp bức, rằng Đảng phải tuyên truyền Chủ nghĩa xã hội trong tất cả các nước thuộc địa... đánh giá đúng tầm quan trọng của vấn đề thuộc địa...*⁴. Cùng với những người cách mạng chân chính của nước Pháp, Người đã bỏ phiếu tán thành Quốc tế III, tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp, trở thành người cộng sản Việt Nam đầu tiên. Đó là một sự kiện chính trị vô cùng quan trọng trong đời hoạt động cách mạng của Người và trong lịch sử cách mạng nước ta, đánh dấu bước mở đường giải quyết cuộc khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam.

Nếu như cuộc đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc tại Hội nghị Versailles năm 1919 mới là phát pháo hiệu thức tỉnh nhân dân ta trong sự nghiệp đấu tranh chống thực dân Pháp, thì việc Người tham gia sáng lập Đảng Cộng sản Pháp năm 1920 đã đánh dấu một bước chuyển biến quyết định, bước nhảy vọt thay đổi về chất trong nhận thức tư tưởng và lập trường chính trị của Người: từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa Mác - Lênin.

Như vậy, từ năm 1911 đến năm 1920, là thời kỳ Người khảo sát, nghiên cứu để lựa chọn con đường giải phóng dân tộc Việt Nam khỏi ách nô lệ của bọn thực dân, phong kiến. Người đã trải qua những tháng năm lao động, thâm nhập đời sống thực tế ở nhiều nước trên thế giới, Người thấy rõ

³ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, t.10, tr 127.

⁴ Hồ Chí Minh: *Tuyển tập*. Nxb Sự thật, Hà Nội, 1980, tr 4-5.

cảnh bất công, tàn bạo của xã hội tư bản, và đồng cảm, thấu hiểu trước đời sống khổ cực của giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước. Bước đầu Người rút ra kết luận quan trọng ở đâu chủ nghĩa tư bản cũng tàn ác và vô nhân đạo, ở đâu nhân dân lao động cũng bị áp bức, bóc lột rất dã man; các dân tộc thuộc địa đều có một kẻ thù chung là đế quốc thực dân. Sau này anh đã khái quát thành một chân lý: "Dù màu da có khác nhau, trên đời này chỉ có hai giống người: giống người bóc lột và giống người bị bóc lột. Mà cũng chỉ có một tình hữu ái là thật mà thôi: tình hữu ái vô sản"⁵. Cũng từ thực tế học tập, hoạt động, thâm nhập đời sống những người dân lao động, phân tích tình hình chính trị thế giới, tiếp cận với chủ nghĩa Mác-Lênin, Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn con đường cứu nước đúng đắn, phù hợp với trào lưu tiến hóa của lịch sử đó là con đường cách mạng vô sản mà sau này Người đã đúc kết: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản"⁶.

Sau gần 15 năm tìm đường cứu nước, đến năm 1924, Người rời nước Nga Xô Viết đến Quảng Châu (Trung Quốc) để truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào Việt Nam và trực tiếp lãnh đạo cách mạng. Năm 1925, Người lập ra tổ chức Hội Việt Nam cách mạng Thanh niên, tiến hành đào tạo lực lượng cách mạng nòng cốt, xây dựng tổ chức tiền thân của Đảng, hướng dẫn hội

viên thanh niên đi vào quần chúng để tuyên truyền giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin, tổ chức quần chúng đấu tranh. Nhờ vậy, phong trào đấu tranh của quần chúng chống ách thống trị của chủ nghĩa thực dân Pháp ngày càng lên cao, trong đó giai cấp công nhân đã dần dần trở thành một lực lượng chính trị độc lập.

Chính sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác-Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc đã dẫn đến sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam ngày 3-2-1930, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại trong lịch sử dân tộc.

Từ đây, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân ta đã hướng theo con đường cứu nước đúng đắn, liên tiếp tiến lên giành những thắng lợi vang dội: từ Cách mạng tháng Tám thành công, lập nên nhà nước công nông đầu tiên ở Đông Nam Á đến thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, cả nước được độc lập thống nhất tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi rực rỡ ngày nay.

Có thể nói, dấu mốc lịch sử năm 1911 đã đánh dấu một hành trình đầy khó khăn gian khổ để tìm con đường cứu nước, cứu dân của Người. Người đã đem về nguồn sáng tương lai không chỉ cho dân tộc Việt Nam mà còn cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Một thế kỷ đã trôi qua, nhưng Đảng và nhân dân ta vẫn mãi kiên định đi theo con đường mà Người đã lựa chọn để tiếp tục xây dựng, phát triển quê hương đất nước ngày càng giàu đẹp.

⁵ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.1, tr.266.

⁶ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t.9, tr 314.